TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2025/HS-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tuân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Tha**

2. Bà **Lê Thị Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2025/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HS ngày 16/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HS ngày 06/5/2025 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1991 tại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Bùi Văn T1 (chết), con bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1968;

Tiền án: Bản án số 56/2021/HSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2023. Bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và chưa bồi thường trách nhiệm dân sự theo quyết định của bản án.

Tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 507/QĐ-XLHC ngày 14/12/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính *"Đưa và trường G"* thời gian chấp hành 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2024; Có mặt.

- ***Người bị hại:***

1) Ông Nguyễn Phước T2, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Lệ T3, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2) Ông Lê Văn H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3) Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn L, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2) Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3) Ông Phạm Hùng C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

4) Ông Phạm C1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

5) Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

6) Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

7) Ông Lê Văn M, sinh năm 1977

Địa chỉ: B T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T6, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Tất cả bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T đã bị kết án và chưa được xóa án tích về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng vẫn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 01/01/2024 Bùi Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên chuẩn bị 01 cây kìm cộng lực, 01 cây xà beng điều khiển xe môtô biển kiểm soát 79R1-2009 đi tìm nhà ai sơ hở thì đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đi qua thôn Đ, xã N, thị xã N, T thấy nhà ông Nguyễn Phước T2 không có người nên dựng xe môtô đi bộ ra phía sau nhà rồi dùng kìm cắt hàng rào lưới B40, dùng xà beng cạy cửa sau đột nhập vào nhà. T đi vào phòng ngủ lấy 01 con heo bằng nhựa xàu xanh để trên tủ quần áo, đi sang phòng thờ cạy tủ thờ lấy đi 01 sợi dây chuyền bằng vàng 96, trọng lượng 03 chỉ rồi đi ra điều khiển xe về nhà bạn gái tại xã N. Tối cùng ngày, T mở con heo bằng nhựa ra đếm bên trong có số tiền 1.000.000 đồng, đến sáng ngày 02/01/2024 T đem sợi dây chuyền bằng vàng đến bán cho tiệm V ở phường N được 17.100.000 đồng và đã tiêu xài hết toàn bộ số tiền trên. Tôi ngày 01/01/2024 ông T2 phát hiện bị trộm cắp tài sản nên đến Công an xã N trình báo sự việc.

Lần thứ hai: Chiều ngày 22/01/2024, Bùi Văn T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản nên chuẩn bị 01 cây kìm cộng lực, 01 cây xà beng điều khiển xe môtô biển kiểm soát 79R1-2009 đi theo đường từ xã N về xã N. Khi đi qua thôn T, xã N, T thấy nhà của ông Lê Văn H đang khóa cửa đi khỏi nhà nên dừng xe xại, dùng kìm cắt hàng rào lưới B40, kéo mở chốt cửa sau đi vào nhà. Thấy trên tủ lạnh có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, T lấy cất vào túi quần, sau đó vào phòng ngủ thấy một chiếc ví màu đỏ, T mở ví ra lấy số tiền 5.000.000 đồng đựng bên trong và bỏ lại chiếc ví rồi điều khiển xe mô tô đi về xã N. Khi đi qua thôn T, xã N, T đã ném điện thoại trộm cắp được, số tiền 5.000.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng này, ông H về nhà phát hiện bị trộm cắp tài sản nên đã đến Công an xã N trình báo sự việc.

Qua đấu tranh, Bùi Văn T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông Nguyễn Phước T2 và ông Lê Văn H. Ngoài ra, Bùi Văn T khai nhận ngoài hai lần trộm cắp tài sản như trên, còn thực hiện một lần trộm cắp tài sản trước đó tại thôn L, xã N, thị xã N cụ thể: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 18/9/2023, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô biển số 79R1-2009 đi đến xã N để tìm kiến tài sản trộm cắp. Thấy cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng Ngọc Thìn NH của bà Nguyễn Ngọc T7 tại thôn L, xã N đang đóng cửa, T dừng xe và đi bộ vào bên hông nhà dùng xà beng cạy ổ khóa cửa rồi đi vào trong nhà. Thái tìm kiếm thấy trên tủ của phòng ngủ có

một con heo đất thì mang ra ngoài đập ra đếm được bên trong có số tiền 2.500.000 đồng, T lấy số tiền trên đi về và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, bà T7 quay về lại cửa hàng thì phát hiện bị trộm cắp tiền đựng trong con heo đất, ngày 30/7/2024 bà T7 đến Công an xã N trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2024 của Hộ đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N: 01 dây chuyền vàng trọng lượng 03 chỉ (loại vàng 96), thời điểm định giá ngày 01/01/2024 trị giá 17.640.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2024 của Hộ đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N: 01 điện thoại cảm ứng Samsung Galaxy J7 Pro màu đén, mua mới năm 2018 với giá 4.700.000 đồng, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 22/01/2024 giá trị 300.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Bùi Văn T đã trộm cắp là 26.440.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; thay đổi về việc đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản"*; Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định; Xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

- Bị cáo Bùi Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc họ vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T đã thành khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài, bị cáo Bùi Văn T đã lén lút thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã N với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 26.440.000 đồng, trong đó lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 96%, trọng lượng 3 chỉ trị giá 17.640.000 đồng và 01 con heo bằng nhựa bên trong có số tiền 1.000.000 đồng của ông Nguyễn Phước T2 và bà Lê Thị Lệ T3; 01 điện thoại di động hiệu S J7Pro giá trị 300.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng của ông Lê Văn H; số tiền 2.500.000 đồng đựng trong heo đất của bà Nguyễn Ngọc T7.

Hành vi của bị cáo Bùi Văn T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nhưng do lười lao động, coi thường pháp luật nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Trong một thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, các lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, hành vi của bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã bị kết án tại Bản án số 56/2021/HSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, từng bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính "Đưa vào trường G" nhưng không tu chí, trau dồi đạo đức mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở về làm lại cuộc đời.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại vắng mặt tuy nhiên lời khai trong hồ sơ vụ án có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền cụ thể như sau: Bồi thường cho ông Nguyễn Phước T2 và bà Lê Thị Lệ T3 số tiền 18.640.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Văn H 6.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị T4 2.500.000 đồng. Bị cáo Bùi Văn T đồng ý tự nguyện bồi thường số tiền theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T khai nhận: Ngày 02/01/2024, bị cáo đem dây chuyền vàng 96%, trọng lượng 3 chỉ lấy trộm được đến tại tiệm V bán được 17.100.000 đồng. Để tránh bỏ lọt tội phạm, Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của một tội phạm khác. Tuy nhiên, kết quả điều tra không xác định được tiệm vàng T8 đã mua tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) xe mô tô loại Yamaha Sirius màu xám, có số máy 5C64234173, số khung RLCS5C640AY294168. Kết quả xác minh cho thấy xe mô tô trên đăng ký chủ sở hữu của ông Phạm Hùng C, quá trình quản lý sử dụng đã bán qua nhiều người và xác định được ông Nguyễn Minh P hiện là chủ sở hữu của xe mô tô trên. Ông Nguyễn Minh P không biết bị cáo Bùi Văn T sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Minh P.

Đối với vật chứng là 01 (Một) cây kìm cộng lực, dài 21 cm, cán màu vàng, thân và lưỡi kim bằng kim loại màu đen; 01 (Một) con dao bằng kim loại, kích thước 33x8cm, được niêm phong trong túi PS1A số 057396. Xét đây là công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.357.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Văn T. Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T 02 (hai) năm** tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/11/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Phước T2 và bà Lê Thị Lệ T3 số tiền 18.640.000 đồng *(Mười tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)*, bồi thường cho ông Lê Văn H số tiền 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng),* bồi thường cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Quy định: *Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không trả số tiền nêu trên thì phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án:

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) cây kìm cộng lực, dài 21 cm, cán màu vàng, thân và lưỡi kim bằng kim loại màu đen; 01 (Một) con dao bằng kim loại, kích thước 33x8cm, được niêm phong trong túi PS1A số 057396,
- Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 trả lại cho ông Nguyễn Minh P 01 (một) xe mô tô loại Yamaha Sirius màu xám, có số máy 5C64234173, số khung RLCS5C640AY294168.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 20/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã N với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.357.000 đồng *(Một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phân trại tạm giam khu vực Ninh Hòa;
- Trại giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo; Bị hại; Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuân